CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 12 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 235/2003/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 12 năm 2008.

- Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Để triển khai hệ thống thông tin quản lý ngân sách - kho bạc và từng bước thực hiện kế toán dồn tích; hỗ trợ lập ngân sách trung hạn của cơ quan tài chính các cấp và các Bộ, ngành, địa phương; tăng cường kiểm soát chi tiêu ngân sách nhà nước của các đơn vị dự toán và các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, góp phần ngăn chặn tình trạng nợ đọng trong thanh toán, Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước như sau:[2]

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng bao gồm: các đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là đơn vị dự toán); các chủ đầu tư, ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước (trừ ngân sách cấp xã); cơ quan tài chính và các đơn vị Kho bạc Nhà nước.

2. Các khái niệm:

2.1. TABMIS: là hệ thống thông tin quản lý ngân sách - Kho bạc.

2.2. Cam kết chi thường xuyên là việc các đơn vị dự toán cam kết sử dụng dự toán chi ngân sách thường xuyên được giao hàng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ dự toán được giao trong năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa đơn vị dự toán với nhà cung cấp. Giá trị của khoản cam kết chi là:

---

[2] Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS)".

- Đối với hợp đồng được thực hiện trong 1 năm ngân sách: Là số tiền được nêu trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng được thực hiện trong nhiều năm ngân sách: Là số tiền dự kiến bố trí cho hợp đồng đó trong năm, đảm bảo trong phạm vi dự toán năm được duyệt và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi của hợp đồng đó.

2.3. Cam kết chi đầu tư là việc các chủ đầu tư cam kết sử dụng kế hoạch vốn đầu tư được giao hàng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ kế hoạch vốn được giao trong năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa chủ đầu tư với nhà cung cấp. Giá trị của khoản cam kết chi đầu tư bằng số kinh phí dự kiến bố trí cho hợp đồng trong năm, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch vốn năm được duyệt và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.

2.4. Giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi là chênh lệch giữa giá trị của hợp đồng với tổng giá trị của các khoản đã cam kết chi cho hợp đồng đó (bao gồm cả số cam kết chi đã được thanh toán).

2.5. Giao diện ứng dụng là phương thức kết nối trao đổi thông tin dữ liệu giữa các ứng dụng với nhau nhằm thực hiện các quy trình nghiệp vụ.

2.6. Đơn vị dự toán có giao diện với TABMIS là đơn vị có phần mềm kế toán giao diện được với TABMIS.

2.7. Đơn vị dự toán không giao diện với TABMIS là đơn vị không có phần mềm kế toán giao diện với TABMIS.

2.8. Dự toán còn được phép sử dụng:

- Đối với chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu và chi sự nghiệp kinh tế có tính chất thường xuyên (sau đây gọi chung là chi thường xuyên) là chênh lệch giữa dự toán ngân sách đã giao trong năm cho đơn vị với tổng số tiền của các khoản đã cam kết chi chưa được thanh toán và số tiền đã thanh toán trong năm (bao gồm cả số đã thanh toán và số đang tạm ứng).

- Đối với chi đầu tư, chi chương trình mục tiêu và chi sự nghiệp kinh tế có tính chất đầu tư (sau đây gọi chung là chi đầu tư) là chênh lệch giữa kế hoạch vốn đã giao trong năm cho một dự án đầu tư với tổng giá trị của các khoản đã cam kết chi trong năm chưa được thanh toán và tổng số tiền đã thực hiện thanh toán trong năm của dự án đó (bao gồm cả số đã thanh toán và số đang tạm ứng).

2.9. Số cam kết chi (thường xuyên, đầu tư) là mã số do chương trình TABMIS tạo ra đối với từng khoản cam kết chi để theo dõi, quản lý khoản cam kết chi đó trên TABMIS.

2.10. Điểm nhà cung cấp là Kho bạc Nhà nước nơi trực tiếp thanh toán cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của các đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư.

3. Nguyên tắc quản lý, kiểm soát cam kết chi:

3.1. [3] *Tất cả các khoản chi của ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán đối với chi thường xuyên hoặc giao kế hoạch vốn đối với chi đầu tư (gồm cả dự toán ứng trước), có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ theo chế độ quy định và có giá trị hợp đồng từ 200 triệu đồng trở lên đối với các khoản chi thường xuyên hoặc từ 1.000 triệu đồng trở lên trong chi đầu tư xây dựng cơ bản thì phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước trừ các trường hợp cụ thể sau:*

- Các khoản chi của ngân sách xã; các dự án, công trình do xã, phường, thị trấn làm chủ đầu tư (bao gồm tất cả các nguồn vốn, thuộc các cấp ngân sách);

- Các khoản chi cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng (bao gồm cả các khoản chi đầu tư);

- Các khoản thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Nhà nước, của Chính phủ;

- Các khoản chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ chương trình, dự án; chi viện trợ trực tiếp; các khoản chi vốn đối ứng của các dự án ODA.

- Các khoản chi góp cổ phần, đóng góp nghĩa vụ tài chính, đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế;

- Các khoản chi theo hình thức lệnh chi tiền của cơ quan tài chính các cấp;

- Các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước;

- Các khoản chi ngân sách nhà nước bằng hiện vật và ngày công lao động;

- Các khoản chi dịch vụ công ích gồm: Hợp đồng cung cấp điện, nước, điện thoại, internet, thuê kết nối mạng (thuê đường truyền, băng thông), vệ sinh công cộng, quản lý chăm sóc cây xanh.

- Các khoản chi để tổ chức hội nghị, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học (không bao gồm những khoản mua sắm trang thiết bị phải thực hiện đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi), các khoản chi mua vé máy bay, mua xăng dầu;

---

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

- Các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trừ trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng trực tiếp với các nhà thầu để thực hiện xây dựng khu tái định cư, chi phí rà phá bom mìn, di chuyển đường điện, đường cáp;

- Các hợp đồng của công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, cấp bách;

- Các khoản chi hoàn thuế, các khoản chi hoàn trả vốn ứng trước từ dự toán được giao;

- Các hợp đồng có nhiều nguồn vốn tham gia đầu tư thuộc nhiều cấp ngân sách và thanh toán tại từ 2 Kho bạc Nhà nước (nơi kiểm soát, thanh toán cho dự án) trở lên.

- Các hợp đồng của các khoản chi thuộc Chương trình Quốc gia và Chương trình Mục tiêu Quốc gia do chủ đầu tư ký hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với các cá nhân, hộ dân, tổ, đội thợ.

Mức giá trị hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ.

3.2. Các khoản cam kết chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán bằng đồng Việt Nam; các khoản cam kết chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được theo dõi theo nguyên tệ; đồng thời, được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ hàng tháng do Bộ Tài chính quy định để hạch toán cam kết chi. Các phân đoạn mã kế toán đồ của tài khoản chi ngân sách nhà nước (nếu có) phải được hạch toán ở mức chi tiết nhất.

Trường hợp khoản cam kết chi ngân sách nhà nước có nhiều nguồn vốn (các khoản cam kết chi đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ của dự án ODA,…), thì được hạch toán chi tiết theo số tiền được cam kết chi của từng nguồn vốn.

3.3. Cam kết chi chỉ được thanh toán khi số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng số tiền chưa được thanh toán của khoản cam kết chi đó.

Trường hợp số tiền đề nghị thanh toán lớn hơn số tiền còn lại chưa được thanh toán của khoản cam kết chi, thì trước khi làm thủ tục thanh toán cam kết chi, đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch điều chỉnh số tiền của khoản cam kết chi đó phù hợp với số tiền đề nghị thanh toán và đảm bảo đúng quy định nêu tại khoản 2 mục II Thông tư này.

3.4. Trong quá trình quản lý, kiểm soát, nếu phát hiện các khoản cam kết chi sai chế độ quy định hoặc các khoản dự toán để cam kết chi không được chuyển nguồn sang năm sau hoặc đơn vị dự toán, chủ đầu tư không có nhu cầu sử dụng tiếp, thì khoản cam kết chi sẽ được hủy bỏ. Kho bạc Nhà nước thực hiện hủy các khoản cam kết chi của đơn vị dự toán, chủ đầu tư theo chế độ quy định (đối với các khoản cam kết chi không được phép chuyển năm sau sử dụng tiếp) hoặc theo quyết

định của cơ quan tài chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các khoản cam kết chi sai quy định) hoặc đề nghị của đơn vị dự toán, chủ đầu tư (đối với các khoản cam kết chi mà đơn vị không có nhu cầu sử dụng tiếp).

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Quản lý và kiểm soát cam kết chi:

1.1. [4]*Thời hạn gửi và chấp thuận cam kết chi:*

- Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị dự toán, chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, nhà thầu có hiệu lực, đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi hợp đồng kèm theo đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Trường hợp, hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ không quy định ngày có hiệu lực thì thời hạn nêu trên được tính từ ngày ký hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với hợp đồng nhiều năm, kể từ năm thứ 2 trở đi, trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc (kể từ ngày đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư nhận được văn bản giao dự toán của cơ quan có thẩm quyền), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Trường hợp cấp có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán ngân sách (hoặc kế hoạch vốn) trong tháng 12 năm trước, thì thời hạn gửi đề nghị cam kết chi đối với cả hai trường hợp nói trên được tính từ ngày 01 tháng 01 năm sau.

- Đối với các hợp đồng được bổ sung hoặc điều chỉnh dự toán trong năm của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc (kể từ ngày đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư nhận được văn bản bổ sung hoặc điều chỉnh dự toán của cơ quan có thẩm quyền), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi (bổ sung hoặc điều chỉnh) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Trường hợp đơn vị bổ sung hoặc điều chỉnh giá trị hợp đồng đã ký thì trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng điều chỉnh có hiệu lực hoặc kể từ ngày ký hợp đồng điều chỉnh (trường hợp, hợp đồng điều chỉnh không quy định ngày có hiệu lực), đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đề nghị cam kết chi (bổ sung hoặc điều chỉnh) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

- Trong phạm vi 2 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư và dự toán của các đơn vị đã được nhập trên hệ thống TABMIS, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra các điều kiện để thực hiện cam kết chi cho đơn vị trên hệ thống TABMIS và gửi 01 liên chứng từ cam kết chi đã được chấp thuận trên hệ thống TABMIS (có ghi số cam kết chi) cho đơn vị. Trường hợp không chấp nhận cam kết chi, trong thời hạn quy định nêu trên, Kho bạc Nhà nước phải thông báo ý kiến từ chối cam kết chi bằng văn bản cho đơn vị được biết.

1.2. Hình thức gửi đề nghị tạo mới, điều chỉnh, hủy cam kết chi:

1.2.1. Tạo mới, điều chỉnh cam kết chi:

- Đối với chi thường xuyên:

+ Đối với các đơn vị dự toán có giao diện với TABMIS, thì gửi đề nghị cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước thông qua chương trình giao diện giữa phần mềm kế toán của đơn vị với TABMIS. Riêng đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ (để làm căn cứ kiểm soát cam kết chi), thì đơn vị dự toán gửi đến Kho bạc Nhà nước bằng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử theo nguyên tắc trao đổi thông tin nêu tại điểm 1.3 khoản 1 mục II Thông tư này.

+ Đối với các đơn vị dự toán không có giao diện với TABMIS, thì gửi đề nghị cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ (để làm căn cứ kiểm soát cam kết chi) đến Kho bạc Nhà nước bằng văn bản giấy (theo mẫu số C2-12/NS hoặc mẫu số C2-12/NS đính kèm).

- Đối với chi đầu tư: Chủ đầu tư gửi đề nghị cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi đầu tư và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ (để làm căn cứ kiểm soát cam kết chi) đến Kho bạc Nhà nước bằng văn bản giấy (theo mẫu số C2-12/NS hoặc mẫu số C2-12/NS đính kèm).

1.2.2. Hủy cam kết chi:

- Trường hợp không có nhu cầu chi tiếp đối với các khoản đã cam kết chi, đơn vị dự toán, chủ đầu tư gửi đề nghị hủy cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước bằng văn bản giấy (theo mẫu số 03 đính kèm).

- Trường hợp các khoản cam kết chi bị phát hiện sai chế độ quy định thì căn cứ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước thực hiện hủy cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư.

1.3. Nguyên tắc trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử:

Việc trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử về cam kết chi được thực hiện tự động bằng chương trình giao diện giữa phần mềm kế toán của đơn vị với TABMIS; đồng thời, phải có đầy đủ chỉ tiêu thông tin và được bảo mật, đúng định dạng trao đổi dữ liệu điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn dưới Luật của Chính phủ và Bộ Tài chính.

Tất cả các cơ quan, đơn vị tham gia trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử về cam kết chi có trách nhiệm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu điện tử trong phạm vi nhiệm vụ của mình; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo tính bảo mật, an toàn của hệ thống.

1.4. Điều kiện thực hiện cam kết chi:

1.4.1. Đề nghị cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải đầy đủ các chỉ tiêu thông tin theo mẫu quy định và đảm bảo tính pháp lý, cụ thể:

+ Dấu, chữ ký của đơn vị dự toán, chủ đầu tư trên hồ sơ phải phù hợp với mẫu dấu, chữ ký đã đăng ký với Kho bạc Nhà nước. Trường hợp đơn vị dự toán gửi đề nghị cam kết chi hoặc điều chỉnh cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước thông qua chương trình giao diện, thì phải đảm bảo các nguyên tắc nêu tại điểm 1.3 khoản 1 mục II Thông tư này.

+ Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ tuân thủ quy trình, thủ tục về mua sắm đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định hiện hành.

+ Nội dung thanh toán của hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ phải đảm bảo có trong dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với chi đầu tư).

1.4.2. Số tiền đề nghị cam kết chi không vượt quá dự toán còn được phép sử dụng.

- Trường hợp dự toán và phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phải điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước theo quy định, thì Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát cam kết chi trên cơ sở dự toán tạm cấp hoặc dự toán được điều chỉnh của đơn vị dự toán.

- Trường hợp chi ứng trước dự toán ngân sách nhà nước năm sau, thì Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát cam kết chi trên cơ sở dự toán ứng trước của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư.

1.4.3. [5]Đề nghị cam kết chi năm ngân sách hiện hành của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến trước ngày 25/01 năm sau (trừ cam kết chi dự toán ứng trước của các khoản kinh phí thường xuyên).

---

[5] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

1.5. Quy trình quản lý, kiểm soát cam kết chi thường xuyên:

1.5.1. [6]Hồ sơ cam kết chi thường xuyên:

Khi có nhu cầu cam kết chi, ngoài dự toán chi ngân sách nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước 1 lần vào đầu năm, đơn vị dự toán gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan như sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên (gửi lần đầu hoặc khi có điều chỉnh hợp đồng);

- Đề nghị cam kết chi hoặc đề nghị điều chỉnh cam kết chi.

1.5.2. Kho bạc Nhà nước kiểm soát hồ sơ, tài liệu của đơn vị, bao gồm:

- Kiểm soát, đối chiếu cam kết chi so với dự toán ngân sách nhà nước, đảm bảo khoản đề nghị cam kết chi không được vượt quá dự toán còn được phép sử dụng của đơn vị.

- Kiểm tra tính pháp lý của hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo phù hợp với dự toán được giao của đơn vị.

- Kiểm soát, đối chiếu đề nghị cam kết chi của đơn vị, đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin và được gửi trước thời hạn theo quy định.

1.5.3. Sau khi kiểm soát hồ sơ, tài liệu của đơn vị dự toán:

- Trường hợp đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục II Thông tư này, thì Kho bạc Nhà nước ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo số cam kết chi được quản lý trên TABMIS cho đơn vị dự toán được biết để quản lý và thanh toán cam kết chi.

- Trường hợp không đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục II Thông tư này, Kho bạc Nhà nước từ chối chấp thuận ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo cho đơn vị dự toán được biết theo quy định tại điểm 1.3 khoản 1 mục III Thông tư này (theo mẫu số 04 đính kèm hoặc hoặc qua chương trình giao diện giữa phần mềm kế toán của đơn vị với TABMIS).

---

[6] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

1.5.4. [7] *Quản lý cam kết chi đối với các hợp đồng nhiều năm:*

Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm ngân sách và có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, đơn vị dự toán gửi hợp đồng đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để theo dõi, quản lý.

Hàng năm, thủ trưởng đơn vị dự toán có trách nhiệm xác định số kinh phí bố trí cho hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ; đồng thời, được quyền chủ động điều chỉnh tăng, giảm số kinh phí bố trí cho hợp đồng đó, đảm bảo trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được duyệt và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.

Căn cứ số kinh phí bố trí cho hợp đồng trong một năm ngân sách, đơn vị dự toán gửi đề nghị cam kết chi trong năm cho hợp đồng đó đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục kiểm soát cam kết chi.

Quy trình quản lý, kiểm soát hợp đồng nhiều năm và cam kết chi đối với chi thường xuyên từ hợp đồng nhiều năm được thực hiện tương tự như quản lý hợp đồng và cam kết chi đầu tư được quy định tại điểm 1.6, Khoản 1, Mục II, Thông tư này.

1.6. Quy trình quản lý, kiểm soát cam kết chi đầu tư:

1.6.1. [8]*Hồ sơ cam kết chi đầu tư:*

Khi có nhu cầu cam kết chi, ngoài các hồ sơ, tài liệu gửi 1 lần và gửi hàng năm theo chế độ quy định, chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước các hồ sơ, tài liệu có liên quan như sau:

- Hợp đồng có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên (gửi lần đầu khi đề nghị cam kết chi hoặc gửi khi có điều chỉnh hợp đồng);

- Đề nghị cam kết chi hoặc đề nghị điều chỉnh cam kết chi.

---

[7] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

[8] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

1.6.2. [9]Quản lý hợp đồng chi đầu tư:

Căn cứ hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ do chủ đầu tư gửi đến, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính pháp lý của hợp đồng theo quy định tại tiết 1.4.1 điểm 1.4 khoản 1 phần II Thông tư này, nếu phù hợp thì nhập các thông tin của hợp đồng vào TABMIS và thông báo số cam kết chi được quản lý trên TABMIS cho chủ đầu tư được biết để quản lý và thanh toán cam kết chi.

- Hàng năm, chủ đầu tư phải có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư bố trí cho từng hợp đồng; đồng thời, được quyền chủ động điều chỉnh tăng, giảm số vốn đầu tư bố trí cho từng hợp đồng, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch vốn năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi của dự án đó.

+ Trường hợp hợp đồng được thực hiện trọn trong 1 năm ngân sách, thì số vốn bố trí trong năm cho hợp đồng đúng bằng giá trị của hợp đồng đó.

+ Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có nhiều loại tiền, thì chủ đầu tư phải có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư trong năm bố trí cho hợp đồng chi tiết theo từng loại tiền.

+ Trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ có nhiều loại nguồn vốn, thì chủ đầu tư có trách nhiệm xác định số vốn đầu tư trong năm bố trí cho hợp đồng chi tiết theo từng loại nguồn vốn.

1.6.3. Kho bạc Nhà nước kiểm soát hồ sơ, tài liệu của chủ đầu tư:

Trên cơ sở số vốn đã bố trí cho từng hợp đồng chi đầu tư trong năm, chủ đầu tư gửi đề nghị cam kết chi đầu tư đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Căn cứ đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước thực hiện:

- Kiểm soát, đối chiếu đảm bảo khoản đề nghị cam kết chi không được vượt quá kế hoạch vốn năm đã giao cho dự án và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.

- Kiểm soát, đối chiếu đề nghị cam kết chi của chủ đầu tư, đảm bảo đầy đủ các chỉ tiêu thông tin và được gửi trước thời hạn theo quy định.

---

[9] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

1.6.4. Sau khi kiểm soát hồ sơ, tài liệu của chủ đầu tư:

- Trường hợp đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục II Thông tư này, thì Kho bạc Nhà nước ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo cho chủ đầu tư được biết.

- Trường hợp không đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục II Thông tư này, Kho bạc Nhà nước được phép từ chối ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS và thông báo cho chủ đầu tư được biết theo quy định tại điểm 4.3 khoản 4 mục I Thông tư này (mẫu số 04 đính kèm).

2. Điều chỉnh, hủy cam kết chi và hợp đồng:

2.1. Điều chỉnh cam kết chi và hợp đồng:

2.1.1. Các trường hợp điều chỉnh:

- Dự toán của đơn vị dự toán hoặc kế hoạch vốn của chủ đầu tư bị điều chỉnh giảm dẫn đến phải điều chỉnh cam kết chi.

- Điều chỉnh số tiền của hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị dự toán, chủ đầu tư với nhà cung cấp hoặc điều chỉnh số kinh phí bố trí cho hợp đồng (hợp đồng nhiều năm đối với chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư) trong năm ngân sách.

Việc điều chỉnh số tiền đã cam kết chi chỉ được thực hiện đối với số tiền còn lại của khoản cam kết chi đó, chi tiết cho từng nội dung cam kết chi.

Việc điều chỉnh số tiền của hợp đồng (hợp đồng nhiều năm trong chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư) phải đảm bảo số tiền sau khi điều chỉnh không nhỏ hơn số tiền đã thực hiện cam kết chi của hợp đồng đó.

- Thay đổi giá trị các phân đoạn mã của tài khoản hạch toán cam kết chi và diễn giải chi tiết của từng nội dung cam kết chi.

- Thay đổi ngày hạch toán của khoản cam kết chi.

2.1.2. Quy trình điều chỉnh:

Đơn vị dự toán, chủ đầu tư gửi yêu cầu điều chỉnh cam kết chi hoặc điều chỉnh hợp đồng (hợp đồng nhiều năm đối với chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư) đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (theo mẫu số 02 đính kèm). Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước thực hiện điều chỉnh và thông báo lại ý kiến chấp thuận (hoặc từ chối) điều chỉnh cam kết chi hoặc hợp đồng cho đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư.

2.2. Hủy cam kết chi và hợp đồng:

2.2.1. [10]Các trường hợp hủy cam kết chi và hợp đồng:

- Hủy hợp đồng hoặc tạm dừng, giãn tiến độ thực hiện hợp đồng dẫn đến đơn vị dự toán, chủ đầu tư không có nhu cầu sử dụng cam kết chi để thanh toán cho các hợp đồng trong năm.

- Các khoản cam kết chi hoặc hợp đồng (hợp đồng nhiều năm trong chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư) mà đơn vị dự toán, chủ đầu tư không có nhu cầu sử dụng tiếp.

- Các khoản cam kết chi không đủ điều kiện thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Dự toán dành để cam kết chi không được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau.

- Hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ bị hủy bỏ hoặc có sự thay đổi về loại tiền hoặc các thông tin liên quan đến nhà cung cấp (tên, mã số và điểm nhà cung cấp).

- Hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ chưa thực hiện thanh toán nhưng có thay đổi giá trị hợp đồng từ mức phải thực hiện cam kết chi theo quy định xuống mức không phải thực hiện cam kết chi.

2.2.2. Quy trình hủy:

- Đơn vị dự toán, chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản nêu rõ lý do và số cam kết chi hoặc mã số hợp đồng (hợp đồng nhiều năm trong chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư) được quản lý tại TABMIS cần hủy đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (mẫu số 03 đính kèm).

- Căn cứ đề nghị của đơn vị dự toán, chủ đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước kiểm tra đảm bảo:

+ Trường hợp hủy cam kết chi: Đơn vị chỉ được đề nghị hủy đối với số tiền còn lại chưa được thanh toán của khoản cam kết chi đó.

+ Trường hợp hủy hợp đồng nhiều năm đối với chi thường xuyên hoặc hợp đồng chi đầu tư: Đề nghị hủy của đơn vị chỉ được chấp thuận khi các hợp đồng này chưa được tạo cam kết chi hoặc tất cả các khoản đã cam kết chi của hợp đồng đều đã được hủy trước đó.

---

[10] Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Sau khi kiểm tra, nếu đảm bảo các điều kiện hủy theo quy định, thì Kho bạc Nhà nước thực hiện hủy cam kết chi hoặc hợp đồng trên TABMIS.

3. Xử lý cuối năm:

3.1. Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán chi được giao trong năm:

Các khoản đã cam kết chi thuộc năm ngân sách nào chỉ được chi trong năm ngân sách đó, thời hạn thanh toán đối với các khoản đã cam kết chi phù hợp với thời hạn chi quy định đối với các khoản chi thường xuyên và chi đầu tư. Hết thời hạn chi ngân sách nhà nước, số cam kết chi chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết phải bị hủy bỏ, trừ các trường hợp sau:

- Đối với số dư dự toán được chuyển sang năm sau chi tiếp theo chế độ quy định (cơ quan nhà nước có thẩm quyền không phải xét chuyển): Kho bạc Nhà nước thực hiện chuyển dự toán hoặc kế hoạch vốn cùng với chuyển cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

- Đối với số dư dự toán được phép chuyển sang năm sau chi tiếp theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với ngân sách Trung ương), Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc thủ trưởng cơ quan tài chính được ủy quyền (đối với ngân sách địa phương): Căn cứ quyết định cho phép chuyển số dư dự toán sang năm sau chi tiếp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước thực hiện chuyển cam kết chi của đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư sang năm sau để theo dõi, quản lý và thanh toán tiếp.

3.2. [11]Xử lý các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước:

Các khoản cam kết chi từ dự toán ứng trước được thanh toán đến hết ngày ngày 31 tháng 01 năm sau và hạch toán vào niên độ ngân sách năm trước (trừ trường hợp đặc biệt khác được cấp có thẩm quyền cho phép)"

4. Hạch toán kế toán cam kết chi tại Kho bạc Nhà nước:

Hạch toán cam kết chi, điều chỉnh cam kết chi, thanh toán cam kết chi và kết chuyển cam kết chi từ năm trước sang năm sau được thực hiện theo chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS.

---

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN[12]

1. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị:

1.1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và cấp dưới thực hiện cam kết chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư này.

1.2. Đối với các đơn vị dự toán và chủ đầu tư:

- Tất cả các đơn vị dự toán và chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về việc ký kết các hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ được giao; đồng thời, phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước trước khi thực hiện thanh toán đối với những khoản chi thuộc phạm vi phải cam kết chi theo chế độ quy định.

- Thủ trưởng các đơn vị dự toán và chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ những quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, kiểm soát chi và những nội dung hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

---

[12] Điều 3; Điều 4 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

2. Đối với các hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ đã ký và đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư đã gửi hợp đồng hoặc cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện việc quản lý kiểm soát cam kết chi theo quy định tại Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các hợp đồng đã ký trước ngày thông tư này có hiệu lực nhưng đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực mà đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư chưa gửi hợp đồng và cam kết chi đến Kho bạc Nhà nước thì thực hiện việc quản lý kiểm soát cam kết chi theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan tài chính, đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước, các đơn vị dự toán và các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó; trường hợp có phát sinh vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, phối hợp giải quyết".

1.3. Đối với Kho bạc Nhà nước:

1.3.1. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát hồ sơ đề nghị cam kết chi của đơn vị dự toán, chủ đầu tư và thực hiện ghi nhận bút toán cam kết chi vào TABMIS cho các khoản cam kết chi đủ điều kiện quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục II Thông tư này.

1.3.2. Kho bạc Nhà nước được quyền từ chối thanh toán đối với các khoản cam kết chi không đúng quy định và thông báo cho đơn vị dự toán, chủ đầu tư biết; đồng thời, chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong các trường hợp:

- Hợp đồng kinh tế giữa đơn vị dự toán hoặc chủ đầu tư với nhà cung cấp không đảm bảo tính pháp lý.

- Số tiền đề nghị cam kết chi vượt quá số dự toán còn được phép sử dụng hoặc vượt quá tổng giá trị hợp đồng khung còn được phép cam kết chi.

2. Hiệu lực thi hành:

2.1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và được áp dụng đối với công tác quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước từ năm ngân sách 2009.

2.2. Các cơ quan tài chính, đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước, các đơn vị dự toán và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 09/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2016

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C2-12/NS
(TT số…….. /2016/TT-BTC ngày …… của Bộ Tài Chính)
Số:…. Năm NS:……

GIẤY ĐỀ NGHỊ CAM KẾT CHI NSNN[13]

VNĐ ☐ *Ngoại tệ* ☐

KPTX ☐ *KPĐT*

Đơn vị đề nghị cam kết chi NSNN:.....

Mã đơn vị có quan hệ với ngân sách/Mã dự án đầu tư:.....

Tên dự án đầu tư:.....

Mở tài khoản tại KBNN .....

I. Thông tin chung về cam kết chi

Tên nhà cung cấp:.....

Mã số nhà cung cấp:.....

TK nhà cung cấp:.....

Tại Ngân hàng:.....

Số hợp đồng giấy:.....

Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực) .....

PHẦN KBNN GHI
Nợ TK: .....
Có TK:.....
Mã ĐBHC: .....
Số CKC, HĐK: .....
Số CKC, HĐTH: .....

Mã số hợp đồng khung đã CKC: .....

Giá trị hợp đồng giấy: .....

Số tiền đã CKC các năm trước:.....

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	***Mã NDKT***	***Mã cấp NS***	***Mã chương***	***Mã ngành KT***	***Mã CTMT, DA***	***Mã nguồn NSNN***	***Ký hiệu ngoại tệ***	***Số tiền theo nguyên tệ***	***Số tiền quy ra VND***
1									
2									
								Tổng cộng:	

Số tiền bằng chữ: .....

[13] Mẫu Giấy đề nghị cam kết chi NSNN (Mẫu số 01) ban hành kèm theo Thông tư số 113/2008/TT-BTC và Mẫu Giấy đề nghị cam kết chi NSNN (Mẫu C2-12/NS) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC được thay thế bởi Mẫu Giấy đề nghị cam kết chi NSNN (Mẫu số C2-12/NS) theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH		***KHO BẠC NHÀ NƯỚC***		
Ngày... tháng... năm.....		*Ngày..... tháng... năm....*		
Kế toán trưởng	***Thủ trưởng đơn vị***	***Kế toán/ Kiểm soát***	***Kế toán trưởng/ Phụ trách***	***Giám đốc***

Ghi chú: Hướng dẫn ghi chép mẫu biểu Giấy đề nghị cam kết chi NSNN (Mẫu số C2-12/NS)

Mục đích

Giấy đề nghị cam kết chi là chứng từ kế toán do đơn vị sử dụng ngân sách lập đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thực hiện trích quỹ ngân sách nhà nước để cam kết sử dụng dự toán thanh toán cho hợp đồng đã ký giữa đơn vị sử dụng ngân sách với nhà cung cấp.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

** Đối với đơn vị lập chứng từ:*

- Giấy đề nghị cam kết chi phải được đánh số liên tục trong kỳ kế toán, số, ngày, tháng, năm lập.

- Ghi đầy đủ năm ngân sách thực hiện cam kết chi.

- Đánh dấu "x" vào ô tương ứng: Kinh phí thường xuyên hoặc kinh phí đầu tư; bằng tiền VND hoặc bằng ngoại tệ.

- Đơn vị phải ghi rõ các thông tin khi lập chứng từ:

+ Tên đơn vị đề nghị cam kết chi, mã đơn vị có quan hệ với ngân sách/mã dự án đầu tư, tên dự án đầu tư, Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản.

+ Phần Thông tin chung về cam kết ghi đầy đủ các nội dung: Tên nhà cung cấp, mã số nhà cung cấp, tài khoản, ngân hàng nơi nhà cung cấp mở tài khoản, số hợp đồng giấy, ngày ký hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực, số hợp đồng khung đã cam kết chi (nếu có), giá trị hợp đồng giấy, số tiền đã cam kết chi các năm trước (nếu có).

+ Phần Thông tin chi tiết về cam kết chi: Ghi chi tiết theo mã NDKT (TM), mã cấp NS, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã CTMT, DA, mã nguồn NS ký hiệu ngoại tệ cam kết chi, số tiền theo nguyên tệ và số tiền quy đổi VND (ghi chi tiết số tiền theo tiểu mục - mỗi tiểu mục chi ghi trên một dòng).

+ Tổng số tiền ghi bằng số và bằng chữ.

+ Ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

** Đối với Kho bạc Nhà nước*

- Đối với cam kết chi do bộ phận phòng/bộ phận kế toán thực hiện, kế toán ký vào chức danh "Kế toán", lãnh đạo phòng/bộ phận kế toán trưởng ký chức danh "Kế toán trưởng"; đối với cam kết chi do phòng/bộ phận kiểm soát chi thực hiện, cán bộ kiểm soát chi ký chức danh "Kiểm soát", lãnh đạo phòng/bộ phận kiểm soát chi ký chức danh "Phụ trách" (riêng đối với đơn vị Kho bạc Nhà nước huyện chỉ bố trí 1 cán bộ kiểm soát chi, bỏ trống chức danh "Phụ trách").

- Điền đầy đủ các thông tin tại ô "KBNN ghi", riêng dòng số cam kết chi do kế toán viên hoặc chuyên viên phòng/bộ phận Kiểm soát chi ghi số đơn đặt hàng do hệ thống tự sinh khi nhập cam kết chi vào TABMIS để thông báo cho đơn vị sử dụng ngân sách biết, làm căn cứ theo dõi hạch toán các khoản liên quan đến hợp đồng đã cam kết chi.

Luân chuyển chứng từ

Đơn vị sử dụng ngân sách lập 02 liên Giấy đề nghị cam kết chi, các liên chứng từ được xử lý như sau:

- 01 liên Kho bạc Nhà nước làm căn cứ hạch toán và lưu:

+ Nếu là cam kết chi thường xuyên (trừ cam kết chi nguồn dự toán thường xuyên chương trình mục tiêu) lưu tại bộ phận Kế toán;

+ Nếu là cam kết chi đầu tư xây dựng cơ bản, cam kết chi từ nguồn dự toán thường xuyên chương trình mục tiêu lưu tại bộ phận Kiểm soát chi.

- 01 liên lưu tại đơn vị.

Không ghi vào khu vực này

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU CAM KẾT CHI [14]

VNĐ ☐ *Ngoại tệ* ☐

KPTX ☐ *KPĐT* ☐

Mẫu số C2-13/NS
(TT số ……/2016/TT-BTC ngày ……. của Bộ Tài Chính)
Số:…….. Năm NS:…….

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:.....
Có TK:.....
Nợ TK:.....
Có TK:.....
Số CKC, HĐK: .....
Số CKC, HĐTH:.....
Mã số nhà cung cấp:.....
Mã ĐBHC:.....

Đơn vị đề nghị điều chỉnh cam kết chi NSNN: .....

Tên dự án đầu tư: .....

Mã ĐVQHNS/Mã dự án đầu tư:..... *Mở tài khoản tại KBNN:* .....

Tên nhà cung cấp:..... *Mã số nhà cung cấp:* .....

TK nhà cung cấp:..... *Tại Ngân hàng:*.....

Hợp đồng khung, số CKC: ..... *Hợp đồng thực hiện, số CKC:* .....

Theo hợp đồng giấy số: ..... *Ngày ký hợp đồng (hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực)* .....

Căn cứ hợp đồng đã được cam kết chi tại KBNN, đề nghị KBNN điều chỉnh một số thông tin liên quan đến cam kết chi như sau:

I. Thông tin chung về cam kết chi

Thông tin đã hạch toán:

Tài khoản nhà cung cấp:.....

Tên ngân hàng nhà cung cấp:.....

Thông tin đề nghị ☐ điều chỉnh ☐ bổ sung:

Tài khoản nhà cung cấp:.....

Tên ngân hàng nhà cung cấp:.....

---

[14] Mẫu Giấy đề nghị chỉnh sửa cam kết chi (Mẫu số 02) ban hành kèm theo Thông tư số 113/2008/TT-BTC và Mẫu Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi NSNN (Mẫu C2-13/NS) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC được thay thế bởi Mẫu Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi (Mẫu số C2-13/NS) theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc Nhà nước (TABMIS), có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2016.

II. Thông tin chi tiết về cam kết chi

STT	Thông tin đã hạch toán							Thông tin đề nghị điều chỉnh lại						
	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ

III. Thông tin điều chỉnh về số tiền cam kết chi

STT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA	Mã nguồn NSNN	Ký hiệu ngoại tệ	Số tiền đã cam kết chi		Số tiền CKC đề nghị điều chỉnh				Số tiền CKC sau điều chỉnh	
										Tăng		Giảm			
								Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
1															
Tổng cộng:															

Số tiền bằng chữ: .....

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH		KHO BẠC NHÀ NƯỚC		
Ngày..... tháng..... năm.....		*Ngày..... tháng..... năm.....*		
Kế toán trưởng	**Thủ trưởng đơn vị**	**Kế toán/ Kiểm soát**	**Kế toán trưởng/ Phụ trách**	**Giám đốc**

Ghi chú: Hướng dẫn ghi chép mẫu biểu Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi (Mẫu số C2-13/NS)

Mục đích

Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi là chứng từ kế toán do đơn vị sử dụng ngân sách lập để đề nghị KBNN nơi mở tài khoản điều chỉnh các khoản đã cam kết chi do không có nhu cầu chi tiếp đối với các khoản cam kết chi, hoặc điều chỉnh số tiền cam kết chi, hoặc thay đổi các thông tin về cam kết chi do thay đổi hợp đồng hoặc điều chỉnh hợp đồng với nhà cung cấp. Ngoài ra, Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi còn được lập trong trường hợp xử lý cuối năm khi hủy hoặc chuyển cam kết chi sang năm sau và điều chỉnh phục hồi số cam kết chi bị áp nhầm.

Phương pháp và trách nhiệm ghi chép

** Đối với đơn vị lập chứng từ:*

- Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi phải được đánh số liên tục trong kỳ kế toán, số, ngày, tháng, năm lập.

- Ghi đầy đủ năm ngân sách thực hiện cam kết chi.

- Đánh dấu "x" vào ô tương ứng: Kinh phí thường xuyên hoặc kinh phí đầu tư; bằng tiền VND hoặc bằng ngoại tệ.

- Ghi rõ các thông tin: Tên đơn vị đề nghị cam kết chi (ĐVSDNS), tên dự án đầu tư (nếu có), mã ĐVQHNS/mã dự án đầu tư; tên nhà cung cấp, tài khoản, ngân hàng của nhà cung cấp, số cam kết chi hợp đồng khung, hợp đồng thực hiện, số hợp đồng giấy và ngày ký hợp đồng hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Trường hợp điều chỉnh thông tin chung về cam kết chi: Chỉ ghi thông tin đã hạch toán và thông tin đề nghị điều chỉnh đối với những thông tin cần điều chỉnh, bao gồm: tên nhà cung cấp, mã số, tài khoản, mã ngân hàng, tên ngân hàng của nhà cung cấp, số hợp đồng giấy, ngày ký hợp đồng hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (Các thông tin không điều chỉnh để trống).

- Trường hợp điều chỉnh thông tin chi tiết về cam kết chi: Ghi đầy đủ thông tin đã hạch toán và thông tin đề nghị điều chỉnh, bao gồm: mã nội dung kinh tế (TM), mã cấp NS, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã CTMT, DA (nếu có), mã nguồn NSNN và ký hiệu ngoại tệ (nếu có). Ghi đầy đủ số tiền theo nguyên tệ (nếu có), số tiền quy ra VND (bao gồm cả trường hợp cam kết chi bằng VND, trường hợp cam kết chi bằng ngoại tệ nếu không được quy đổi ra VND thì không phải ghi vào cột này) ghi chi tiết số tiền theo tiểu mục - mỗi tiểu mục chi ghi trên một dòng, ghi tổng số tiền ghi bằng số và bằng chữ.

- Trường hợp điều chỉnh thông tin về số tiền cam kết chi: Ghi đầy đủ thông tin đã hạch toán, bao gồm: mã nội dung kinh tế (TM), mã cấp NS, mã chương, mã ngành kinh tế (khoản), mã CTMT, DA (nếu có), mã nguồn NSNN và ký hiệu ngoại tệ (nếu có). Ghi số tiền đã thực hiện cam kết chi theo nguyên tệ (nếu có) và số tiền bằng VND (trường hợp cam kết chi bằng ngoại tệ được quy

đổi ra VND, số tiền quy đổi ra VND được ghi vào cột VND). Ghi rõ số tiền cam kết chi đề nghị điều chỉnh tăng hoặc giảm và số tiền sau khi điều chỉnh bằng ngoại tệ hoặc VND vào các cột tương ứng. Ghi đầy đủ số tiền bằng số. Đối với số tiền bằng chữ, ghi số tiền đề nghị điều chỉnh.

- Ký và đóng dấu đầy đủ vào nơi quy định.

** Đối với Kho bạc Nhà nước*

- Đối với cam kết chi do bộ phận phòng/bộ phận kế toán thực hiện, kế toán ký vào chức danh "Kế toán", lãnh đạo phòng/bộ phận kế toán trưởng ký chức danh "Kế toán trưởng"; đối với cam kết chi do phòng/bộ phận kiểm soát chi thực hiện, cán bộ kiểm soát chi ký chức danh "Kiểm soát", lãnh đạo phòng/bộ phận kiểm soát chi ký chức danh "Phụ trách" (riêng đối với đơn vị Kho bạc Nhà nước huyện chỉ bố trí 1 cán bộ kiểm soát chi, bỏ trống chức danh "Phụ trách").

- Điền đầy đủ các thông tin tại ô "KBNN ghi".

Luân chuyển chứng từ

Đơn vị sử dụng ngân sách lập 02 liên Phiếu điều chỉnh số liệu cam kết chi, các liên chứng từ được xử lý như sau:

- 01 liên Kho bạc Nhà nước làm căn cứ hạch toán và lưu:

+ Nếu là cam kết chi thường xuyên (trừ cam kết chi từ nguồn dự toán thường xuyên chương trình mục tiêu) lưu tại bộ phận Kế toán;

+ Nếu là cam kết chi đầu tư XDCB, cam kết chi từ nguồn dự toán thường xuyên chương trình mục tiêu lưu tại bộ phận Kiểm soát chi;

- 01 liên lưu tại đơn vị.

Mẫu số 03

ĐƠN VỊ.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

Căn cứ..... đề nghị Kho bạc Nhà nước hủy cam kết chi số.... (hoặc hợp đồng số....);

Lý do hủy:.....

Thủ trưởng cơ quan/đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

KHO BẠC NHÀ NƯỚC **KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-KB.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHẤP THUẬN CAM KẾT CHI

Kính gửi:.....

Kho bạc Nhà nước..... từ chối ghi nhận và hạch toán cam kết chi vào TABMIS tại đề nghị cam kết chi số..... ngày..... tháng.... năm..... của đơn vị.

Số tiền bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Lý do từ chối cam kết chi:.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kho bạc Nhà nước..... xin thông báo cho đơn vị biết để có biện pháp xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cơ quan chủ quản;
- Cơ quan tài chính đồng cấp;
- Lưu: KT hoặc TTVĐT, VT.

GIÁM ĐỐC

Mẫu số 05

KHO BẠC NHÀ NƯỚC **KHO BẠC NHÀ NƯỚC.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-KB.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO CHẤP THUẬN GHI NHẬN HỢP ĐỒNG NHIỀU NĂM TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ HỢP ĐỒNG CHI ĐẦU TƯ TẠI TABMIS

Kính gửi:.....

Kho bạc Nhà nước đồng ý ghi nhận hợp đồng số..... ngày.... tháng.... năm..... của đơn vị (đơn vị dự toán/chủ đầu tư/ban quản lý dự án) tại TABMIS, cụ thể:

1. Số hợp đồng giấy:
2. Mã số hợp đồng được quản lý tại TABMIS
3. Tổng giá trị hợp đồng:

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KT hoặc TTVĐT, VT.

GIÁM ĐỐC

Ghi chú: Mã số hợp đồng được quản lý tại TABMIS chỉ áp dụng đối với các khoản cam kết chi đầu tư hoặc cam kết chi thường xuyên từ những hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhiều năm và ghi theo mã số do KBNN đã thông báo trước đây; đối với các khoản cam kết chi thường xuyên cho những hợp đồng được thực hiện trong 1 năm ngân sách KBNN sẽ không thông báo chỉ tiêu này.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng